



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến
lược Phát triển nông nghiệp
nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 6/2018

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 6/2018 ước đạt 3,45 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 đạt 19,4 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 10,3 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2017; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2017; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 4,33 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2017.

Các mặt hàng tăng trưởng xuất khẩu tốt trong 6 tháng đầu năm 2018 là gạo (ước đạt 3,57 triệu tấn và 1,81 tỷ USD, tăng 12,5% về khối lượng và 42% về giá trị so với cùng kỳ 2017), rau quả (ước đạt 2 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2017), điều (ước đạt 175,9 nghìn tấn và kim ngạch đạt 1,71 tỷ USD, tăng 16,7% về khối lượng và tăng 16,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017), thủy sản (ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2017).

Các thị trường tăng trưởng xuất khẩu mạnh trong 6 tháng đầu năm 2018 là Indonesia (đối với gạo, cà phê, cao su), Trung Quốc (đối với rau quả, cao su, thủy sản), Đức (đối với chè, thủy sản, hạt điều), Malaysia (đối với gạo, chè), Iraq, Hồng Kông, Philippines (đối với gạo), Saudi Arabia (đối với chè), Mỹ (đối với hạt điều, rau quả, gạo), Ấn Độ (đối với cao su, hạt tiêu).

Trên thị trường thế giới, giá gạo tại Thái Lan giảm xuống mức thấp nhất trong năm nay do nhu cầu ảm đạm và triển vọng nguồn cung dồi dào, trong khi giá gạo Ấn Độ giảm do sức mua kém từ châu Phi và Bangladesh. Thị trường đường thế giới đến cuối tháng 6/2018 có xu hướng giảm bởi áp lực tiền tệ và nguồn cung toàn cầu dồi dào. Giá hạt tiêu Ấn Độ giảm do nguồn cung lớn trong khi nhu cầu yếu. Trong khi đó, giá cà phê tăng do sức mua trên sàn kỳ hạn có sự khởi sắc.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 6/2018 ước đạt 604 nghìn tấn, giá trị đạt 317 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,56 triệu tấn, giá trị đạt 1,81 tỷ USD, tăng 25% về khối lượng và tăng 42% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Số liệu cập nhật trong 5 tháng đầu năm 2018 cho thấy Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam với 30% thị phần (đạt 844,1 nghìn tấn và 499,4 triệu USD), đứng thứ 2 là Indonesia với 18,7% thị phần (đạt 596 nghìn tấn và 280 triệu USD). Trong 5 tháng đầu năm xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 21,3% (đạt 844,1 nghìn tấn). Các thị trường có mức xuất khẩu tăng, điển hình là Indonesia 596 nghìn tấn, Iraq 150 nghìn tấn, Malaysia với 273 nghìn tấn (gấp 2,51 lần), và Hoa Kỳ với 26,2 nghìn tấn (gấp 2,36 lần) so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 6/2018, giá gạo xuất khẩu của các nước lớn đều giảm. Tuy nhiên, giá gạo trắng 5% tằm xuất khẩu của Việt Nam đạt 450 USD/tấn, vẫn cao hơn so với sản phẩm cùng loại của Ấn Độ và Thái Lan. Giá gạo xuất khẩu cùng loại của Ấn Độ đạt 410 USD/tấn và của Thái Lan đạt 435 USD/tấn. Giá gạo xuất khẩu các nước xuất khẩu lớn đều giảm so với tháng trước do nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường chính như Indonesia, Philippines, châu Phi, Bangladesh đều giảm. Ngoài ra, do nguồn cung trong nước tại các quốc gia này đang tăng nhanh khiến cho giá xuất khẩu giảm kéo theo giá lúa nguyên liệu trong nước giảm. Cụ thể như tại Việt Nam, các tỉnh vùng ĐBSCL giá trung bình lúa tươi loại thường (IR50404) chỉ đạt 5.200 đồng/kg, loại thơm, Jasmine đạt 5.800 đồng/kg, giảm 100- 200 đồng/kg so với tháng trước; giá lúa khô loại thường đạt 6100 đồng/kg, loại thơm, Jasmine đạt 6.400 đồng/kg, giảm 300-500 đồng/kg so với tháng trước. Mặc dù, giá lúa hiện tại vẫn cao hơn khoảng 500 – 700 đồng/kg so với cùng kỳ 2017. Tính đến hết ngày 25/6/2018, các tỉnh vùng ĐBSCL đã bước vào thời điểm bắt đầu thu hoạch vụ Hè Thu, dự báo giá lúa sẽ có xu hướng giảm nhẹ khi nguồn cung được bổ sung.

Trong nửa đầu năm 2018 cũng ghi nhận sự chuyển biến đáng kể đối với chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam. Xuất khẩu tăng đối với các loại gạo thơm, gạo chất lượng cao, và giảm ở loại gạo phẩm cấp trung bình (gạo trắng 5% tằm). Cụ thể, trong tháng 5/2018, xuất khẩu gạo thơm (Jasmine) đạt 129,2 triệu USD, chiếm tỷ lệ cao nhất với 33% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 53,8% so với tháng trước và tăng 103% so với tháng đầu năm. Gạo trắng 15% tằm và 25% tằm đạt 128,2 triệu tấn vẫn tăng

57,7% so với tháng trước do các doanh nghiệp đang tập trung thực hiện các hợp đồng xuất khẩu sang Philippines và Indonesia. Trong khi đó, giá trị xuất khẩu gạo Japonica (Nhật) đạt 19,1 triệu USD giảm 11%, gạo trắng 5% tằm đạt 65,9 triệu USD giảm 41,4%. Ngoài ra, gạo nếp xuất khẩu đạt 38,6 triệu USD, giảm 35,9% so với tháng trước do thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc giảm mua.

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, nguồn cung gạo toàn cầu niên vụ 2018/2019 dự báo sẽ tăng 1,3% lên mức kỷ lục đạt 633 triệu tấn, trong đó lượng tồn trữ từ niên vụ 2017/18 tăng 5% so với một năm trước đó. Trong khi, tồn trữ gạo thế giới cuối vụ dự kiến đạt 144,7 triệu tấn, tăng 900.000 tấn so với vụ 2017/18, là năm thứ 11 liên tiếp tăng vào cao nhất kể từ năm 2000/01 (khi đạt 146,7 triệu tấn). Nhiều nước dự báo tăng sản lượng như Bangladesh, Miến Điện, Cambodia, Indonesia, Madagascar, Sri Lanka, Tanzania, Thái Lan, Mỹ, Việt Nam và Philippines. Như vậy, xuất khẩu gạo trong nửa cuối năm có thể sẽ gặp khó khăn do giá được dự báo sẽ giảm tiếp do nguồn cung được bổ sung từ các nước.

2. Cà phê

Trong tháng 6/2018, xuất khẩu cà phê ước đạt 164 nghìn tấn với giá trị 314 triệu USD. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu cà phê ước đạt 1.042 nghìn tấn và 2,01 tỷ USD, tăng 11% về khối lượng nhưng giảm 4,7% về giá trị so cùng kỳ năm 2017.

Đức và Mỹ vẫn là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2018 với giá trị xuất khẩu lần lượt đạt 209 triệu USD (giảm 22,6% so với cùng kỳ 2017) và 174 triệu USD (giảm 26,9% so với cùng kỳ 2017). So với cùng kỳ năm 2017, giá trị xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2018 sang một số thị trường khác tăng mạnh như Indonesia tăng gấp trên 8 lần đạt 102 triệu USD, Nga tăng 76,8% (đạt 84 triệu USD), Philippines tăng 54,1% (đạt 65 triệu USD), Angiêri tăng 10,8% (đạt 64 triệu USD), Nhật Bản tăng 5,8% (đạt 101 triệu USD). Trong đó, nổi bật là xuất khẩu sang thị trường Indonesia tăng đột biến, do nước này nhập khẩu cà phê Việt Nam với giá và chất lượng tốt để chế biến cà phê hòa tan, tiêu thụ nội địa, hoặc tái xuất. Khối lượng xuất khẩu cà phê sang Indonesia 5 tháng đầu năm 2018 đạt 52.528 tấn, tăng 97,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam bình quân 6 tháng đầu năm 2018 đạt 1.929 USD/tấn, giảm 14,23% so với cùng kỳ năm 2017. So với tháng 5/2018, giá cà phê xuất khẩu bình quân của tháng 6/2018 đã giảm 2,3% ở mức 1.914 USD/tấn. Trong nước, giá cà phê tiếp tục có xu hướng giảm xuống. Giá cà phê với nhân xô tại Đắk Lắk

hiện nay khoảng 36.000 đồng/kg, giảm 700 đồng/kg so với cùng thời điểm của tháng 5/2018.

Theo ước tính của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2017/18 tăng 1,2% lên 159,66 triệu bao. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng toàn cầu niên vụ cà phê 2018/19 sẽ đạt 171,2 triệu bao (bao 60 kg) trong khi tiêu thụ toàn cầu cùng kỳ chỉ ở mức 163,2 triệu bao. Xét về cân đối cung cầu, giá cà phê thế giới nhiều khả năng sẽ ít biến động cho đến cuối năm nay dù đã tăng nhẹ trong tháng 5/2018, chững lại ba tháng suy giảm liên tiếp. Doanh nghiệp và người dân cần thận trọng trong việc dự trữ tránh tình trạng giá giảm trở lại khi vào vụ thu hoạch trong quý 4 của Việt Nam.

3. Rau quả

Kim ngạch xuất khẩu rau quả tháng 6/2018 ước đạt 340 triệu USD, giảm nhẹ 2% so với trước nhưng tăng 25% so với cùng kỳ 2017. Kim ngạch xuất khẩu rau quả 6 tháng đầu năm ước đạt 2 tỷ USD, tăng 20,3% so với cùng kỳ 2017. Về thị trường xuất khẩu, các thị trường chính đều có kim ngạch tăng khá. Trong đó, dẫn đầu là thị trường Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,2 tỷ USD, chiếm 74,6% tỷ trọng và tăng 18,1% so với cùng kỳ 2017; tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ với kim ngạch đạt 50,9 triệu USD, tăng 14,6%. Tại các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, kim ngạch xuất khẩu cũng lần lượt tăng 8%, 15,4% và 26% so với cùng kỳ năm 2017. Kim ngạch nhập khẩu rau quả tháng 6/2018 ước đạt 152 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt 754 triệu USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ 2017. Nguồn nhập khẩu chính vẫn là Thái Lan (45,7% lượng nhập khẩu) và Trung Quốc (9,1%). Hiện nay đang vào thời điểm thu hoạch chính vụ của nhiều loại quả nhiệt đới, với nguồn cung thuận lợi, giá thu mua một vài loại trái cây có biểu hiện suy giảm. Riêng đối với mặt hàng dứa, Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản đã có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh trồng dứa trọng điểm tích cực phối hợp với Sở Công thương tham mưu cho UBND tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn, phối hợp các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến trên địa bàn hỗ trợ cho bà con nông dân.

Với mặt hàng vải thiều niên vụ 2018 là năm được mùa, giữ giá tương đối ổn định. Tháng 6 là tháng cao điểm thu hoạch vải, tập trung tại Bắc Giang, Hải Dương. Đến ngày 21/6/2018, tổng sản lượng vải thiều toàn tỉnh Bắc Giang - địa phương sản lượng cao nhất cả nước - đã tiêu thụ ước đạt 144.168 tấn (chiếm khoảng 80% sản lượng vải của tỉnh), doanh thu khoảng 3.976 tỷ đồng. Trong đó xuất sang Trung Quốc khoảng 45.750 tấn, doanh thu 80,3 triệu USD. Giá vải trung bình tại Lục Ngạn (cập nhật ngày 19/6/2018) là 20.000 - 24.000đ/kg, tăng so với mức giá 15.000đ/kg trong 10

ngày trước. Giá vải Hải Dương ổn định ở mức 10.000 - 15.000đ/kg. Giá vải thiều tại chợ đầu mối Thủ Đức khoảng 20.000đ/kg (vận chuyển xe lạnh), 25.000 - 30.000đ/kg (vận chuyển máy bay). Trong bối cảnh sản lượng trái vải tại Trung Quốc năm nay ước tính tăng 48,2% so với năm 2017, đạt 2,88 triệu tấn nhờ thời tiết thuận lợi tại Quảng Tây và Quảng Đông (địa bàn chiếm 80% tổng sản lượng vải của Trung Quốc), qua đánh giá tại thị trường Trung Quốc, vải thiều Việt Nam vẫn được bán với giá tương đương vải Trung Quốc (loại 1: 18NDT/kg (70.000đ), loại 2: 9NDT/kg (35.000đ/kg).

Có được kết quả tích cực trên là do sự vào cuộc mạnh mẽ, chủ động toàn ngành và các địa phương, doanh nghiệp. Ngay từ đầu tháng 4/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động phối hợp với ngành Công thương, các địa phương trọng điểm trồng vải triển khai bài bản công tác chăm sóc, thu hoạch, chế biến và kích bán tiêu thụ vải. Đặc biệt, Lãnh đạo Bộ liên tục có những đoàn khảo sát đánh giá, cập nhật tình hình các địa phương, phối hợp chặt chẽ trong khâu tuyên truyền, giúp cho việc tiêu thụ vải của toàn niên vụ 2018 có sự chuyển dịch đạt kết quả tích cực.

Trong thời gian tới, rau quả xuất khẩu Việt Nam dự kiến phải cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại tại các thị trường truyền thống. Để đẩy mạnh xuất khẩu các doanh nghiệp xuất khẩu cần tổ chức liên kết sản xuất theo nhu cầu và bám sát được vào các tiêu chuẩn, yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm của các thị trường xuất khẩu. Đặc biệt tiếp tục chú trọng phát triển, ứng dụng các quy trình công nghệ bảo quản trái cây sau thu hoạch và đẩy mạnh chế biến sâu để duy trì và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường bậc cao như Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

4. Điều

Trong tháng 6/2018, xuất khẩu điều nhân ước đạt 33 nghìn tấn với giá trị 300 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu điều nhân 6 tháng đầu năm ước đạt 176 nghìn tấn với giá trị 1,41 tỷ USD, tăng 17% cả về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mỹ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều nhân lớn nhất của Việt Nam chiếm lần lượt là 37,9%, 13,1% và 10,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu điều nhân sang các thị trường trọng điểm Mỹ, Hà Lan, Trung Quốc và Anh đều tăng cả về lượng và giá trị.

Nhập khẩu điều thô tháng 6/2018 của Việt Nam ước đạt 151,54 nghìn tấn tương đương 304,4 triệu USD. Lũy kế nhập khẩu điều thô 6 tháng đầu năm 2018 lên mức 1,14 tỷ USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong tháng 6/2018, giá điều nhân trên thị trường thế giới tương đối ổn định do nhu cầu không biến động. Tại cảng Delhi của Ấn Độ, giá điều nhân loại WW180 và loại WW210 ổn định ở 16.000 USD/tấn và mức 14.500 USD/tấn so với giữa tháng 5/2018; giá điều nhân vỡ hai mảnh giao dịch ở mức 11.130 USD/tấn tăng nhẹ so với giữa tháng 5/2018. Hiện tại, Ấn Độ là nguồn cung cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều nhân Việt Nam trong tháng 6/2018 đạt 9.068 USD/tấn, giảm 337 USD/tấn (giảm 3,6%) so với tháng 5. Cần lưu ý tình trạng một số doanh nghiệp chế biến điều của Việt Nam mở rộng công suất chế biến khi thị trường xuất khẩu khởi sắc, nhưng lại bán tháo sản phẩm bằng cách hạ giá để tranh giành khách hàng. Hệ quả là số lượng lớn điều nhân được xuất khẩu nhưng giá lại rẻ, lợi nhuận không nhiều. Giá xuất khẩu liên tiếp giảm từ đầu năm đến nay kèm theo nguồn cung thiếu hụt đã khiến cho nhiều doanh nghiệp chế biến trong nước phải tạm dừng hoạt động.

Trong khi đó, giá điều thô trên thị trường trong nước lại diễn biến trái chiều. Tại Đồng Nai, giá hạt điều thô ổn định ở mức 49.000 đồng/kg, nhưng giá điều thô tại Bình Phước lại giảm 3.000 đồng/kg xuống còn 44.000 đồng/kg.

Dự báo giá xuất khẩu điều nhân của Việt Nam có khả năng sẽ phục hồi trở lại trong thời gian tới do nhu cầu cuối năm tăng tại các thị trường quan trọng và nguồn cung hạn hẹp. Trong 6 tháng cuối năm, thị trường xuất khẩu điều nhân Việt Nam vẫn sẽ thuận lợi do đây là thời điểm các nhà nhập khẩu đẩy mạnh mua nhân điều phục vụ cho nhu cầu tăng cao vào cuối năm. Trước tình hình giá điều nhân xuất khẩu của Việt Nam vẫn đang trong xu hướng giảm, các doanh nghiệp chế biến điều nhân trong nước cần giảm công suất chế biến, liên kết với nông dân xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng cao, tập chung vào chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm.

5. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 6/2018 ước đạt 732 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu thủy sản 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc, chiếm 52,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 5 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Hà Lan (tăng 63,1%), Đức (tăng 27,7%), Hồng Kông (tăng 23,6%), Trung Quốc (tăng 18,7%), Anh (tăng 18,2%) và Thái Lan (tăng 18,1%). Trong tháng 6/2018, giá tôm nguyên liệu trong nước tăng nhẹ cụ thể: tại Cà Mau, giá tôm sú loại 20 con/kg đạt 246.000 đồng/kg tăng 6.000 đồng/kg

so với tháng trước; loại 40 con/kg đạt 139.000 đồng/kg tăng 9.000 đồng/kg so với tháng trước. Nguyên nhân do giá tôm nguyên liệu thế giới tăng nhẹ từ 0,15- 0,39 USD/kg so với tháng trước đồng thời nhiều doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh thu mua tôm nguyên liệu để phục vụ cho những hợp đồng xuất khẩu mới đã được ký kết.

Giá cá tra nguyên liệu vẫn tiếp tục ở mức cao 30.000 -32.000 đồng/kg. Trái lại, giá cá tra giống ở khu vực ĐBSCL giảm mạnh do nguồn cung dồi dào trong khi một số vùng nuôi đã qua đợt cao điểm thả nuôi. Hiện cá tra giống loại 30 con/kg chỉ còn có giá từ 26.000-30.000 đồng/kg, giảm hơn một nửa so với tháng 5/2018.

Xuất khẩu trong thời gian tới sẽ khả quan đặc biệt tại thị trường Trung Quốc khi từ ngày 1/7/2018 sẽ chính thức giảm thuế nhập khẩu từ 2-10% cho 221 sản phẩm thủy sản từ các quốc gia thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nhu cầu sử dụng sản phẩm thủy sản của Trung Quốc ngày một cao, đặc biệt là mặt hàng cá tra, cá ngừ, tôm đông lạnh, dầu cá, mặt hàng cá khô, cá đóng hộp tầm gia vị... do thói quen tiêu dùng thực phẩm thủy sản và đã được kiểm dịch an toàn thực phẩm. Đặc biệt, thuế nhập khẩu phi lê cá tra đông lạnh sẽ giảm từ 10% xuống còn 7%; thuế suất cá tra tươi hoặc ướp lạnh sẽ giảm từ 12% xuống 7% sẽ tạo cơ hội để doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này. Trong thời gian tới nhiều dự báo xuất khẩu thủy sản (tôm, cá tra) sang Trung Quốc sẽ tăng do chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu của nước này. Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản hai nước đã đề nghị Hải quan cửa khẩu Hà Khẩu cải tiến cách thức thông quan hàng nông, lâm, thủy sản Việt Nam nhập khẩu chính ngạch qua cửa khẩu này thuận tiện để tận dụng kết cấu hạ tầng đã được hai nước đầu tư (đường giao thông vành đai Hải Phòng-Hà Nội-Lào Cai-Côn Minh và hệ thống chợ đầu mối) nhằm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đến với thành phố Côn Minh (tỉnh Vân Nam) nói chung và thủy sản nói riêng được thuận lợi, không phải nhập qua hàng hóa của các cửa khẩu khác (Nam Ninh, Bằng Tường, Quảng Tây) dẫn đến đội giá nhập, giá bán cao.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản vào các thị trường truyền thống như EU, Mỹ đang gặp rất nhiều khó khăn liên quan đến hàng rào thuế quan và kiểm dịch an toàn thực phẩm. Để nâng cao giá trị và phát triển bền vững các sản phẩm chủ lực là tôm và cá tra, trong thời gian tới cần quan tâm hơn nữa đến xây dựng thương hiệu cho 2 sản phẩm này (Hiện Tổng cục Thủy sản đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chủ trì xây dựng thương hiệu tôm và cá tra theo Đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành thủy sản trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế”. Chính phủ cũng giao Bộ Công Thương chủ trì hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xây

dụng, bảo vệ, phát triển thương hiệu tôm Việt Nam tại Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/1/2018).

6. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 6/2018 ước đạt 740 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt 4,1 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 5 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu sang các thị trường chính gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc¹ lần lượt đạt 1,36 tỷ USD (tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2017); 461,133 triệu USD (tăng 2,5%); 439,163 triệu USD (tăng 3%); 374,194 triệu USD (tăng 49,6%).

Giá trị nhập khẩu tháng 6/2018 ước đạt 204 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 6 tháng đầu năm đạt 1,08 tỷ USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 5 tháng đầu năm 2018, nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp tại một số thị trường như Mỹ, Đức, Pháp tiếp tục tăng trưởng, lần lượt tăng 11,6%, 14,8%; và 12,4% so với cùng kỳ năm 2017. Nhập khẩu gỗ tại một số thị trường giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2017 gồm Campuchia đạt 65,4 triệu USD (giảm 49% so với cùng kỳ 2017); Malaysia đạt 35 triệu USD (giảm 12,7%). Nguyên nhân là do các doanh nghiệp Trung Quốc đẩy mạnh thu mua gỗ nguyên liệu tại các nước lân cận. Đồng thời, Campuchia, Lào, Myanmar cũng tiếp tục thắt chặt xuất khẩu gỗ thông qua chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ từ rừng trồng.

Trên thị trường thế giới, thương mại gỗ tiếp tục diễn ra sôi động trong khi nguồn cung khan hiếm, chính sách bảo hộ của Mỹ và biện pháp đáp trả từ các nước đối tác. Nhập khẩu gỗ dán của EU trong những tháng đầu năm 2018 tăng 5% so với cùng kỳ năm 2017. Giá gỗ nhiệt đới nhập khẩu của EU tăng liên tục trong 6 tháng trở lại đây do sự cạnh tranh thu mua khốc liệt từ các nhà nhập khẩu gỗ dán của Mỹ. Canada đã đáp trả chính sách thuế của Mỹ lên sản phẩm nhôm thép bằng kế hoạch giới hạn thương mại một loạt các sản phẩm từ Mỹ, trong đó có sản phẩm gỗ dán và ghé gỗ có hiệu lực từ 1/7. Trung Quốc tăng cường thu mua nguyên liệu từ các nước lân cận do thiếu hụt gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến trong nước². Ngoài ra, do ảnh hưởng của chính sách thương mại với Mỹ, tận dụng nguồn lao động giá rẻ, ưu đãi

¹Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc tục là 4 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt, chiếm 77,5% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong 5 tháng đầu năm 2018.

² Nguồn: Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam

trong phát triển công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam, gần đây một số doanh nghiệp Trung Quốc có dấu hiệu dịch chuyển đầu tư vào ngành gỗ của Việt Nam³

Áp lực về nguồn cung gỗ nguyên liệu, thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ và sự dịch chuyển đầu tư vào ngành gỗ từ Trung Quốc đã, đang và sẽ còn tác động đến Việt Nam. Trong ngắn hạn, Việt Nam cần tiếp tục duy trì và đa dạng hóa nguồn gỗ nhập khẩu, tiếp cận nguồn nguyên liệu từ các thị trường ít rủi ro. Thêm vào đó, cần có những bước chuẩn bị để thích ứng với những thay đổi trong xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Đồng thời, thị trường gỗ nội địa có những chuyển biến và khởi sắc, tạo động lực cho sản xuất trong nước phát triển. Đặc biệt là các công ty gỗ nội thất trong nước đã dành được các hợp đồng thiết kế lắp đặt một số công trình quan trọng trên thế giới làm cho nhu cầu tiêu thụ các loại gỗ có giá trị cao và nguồn gốc rõ ràng tăng mạnh.

7. Chăn nuôi

Trong tháng 6/2018 thị trường thịt thê giới có nhiều biến động khi Mehico tuyên bố sẽ áp mức thuế 20% đối với chân và thịt lợn vai, các sản phẩm thịt lợn tươi và đông lạnh nhập khẩu từ Mỹ. Chính phủ Trung Quốc cũng ra quyết định áp mức thuế bổ sung 25% đối với mặt hàng thịt lợn nhập từ Mỹ, khiến thịt lợn của Mỹ phải đối mặt mức thuế nhập khẩu lên đến 71% (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) từ ngày 6/7/2018. Do Mehico và Trung Quốc là 2 thị trường xuất khẩu thịt lợn lớn nhất, Mỹ sẽ phải đối mặt với tình trạng dư thừa thịt lợn trong thời gian tới và giá thịt lợn sẽ giảm mạnh ở Mỹ. Tại Úc, nguồn cung nội địa dư thừa và sức tiêu thụ ở mức thấp đã làm giá thịt lợn tại nước này giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong lịch sử (người chăn nuôi nước này đang chịu lỗ 50 AUD/1 con lợn), một số hộ thậm chí còn đối mặt với việc tiêu hủy đàn lợn vì không thể tìm được thị trường tiêu thụ. Giá thịt lợn thế giới dự báo sẽ tiếp tục ở mức thấp vì nguồn cung tại các nước sản xuất lớn vẫn có xu hướng tăng như trên. Tuy nhiên, đây có thể là điểm cần lưu ý vì trong khoảng hai năm gần đây, ngành chăn nuôi nhiều nước đã vấp vạ, khó khăn vì tình trạng dư cung, ví dụ như ở Việt Nam, Trung Quốc và mới đây là Úc, sắp tới có thể thêm Mỹ.

Giá thịt lợn hơi trong nước sau khi tăng mạnh trong tháng 5/2018 đã biến động giảm nhẹ trong tháng 6, đến ngày 24/6 dao động phổ biến ở mức 45.000-50.000

³ Nguồn: Báo cáo “Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ: Thực trạng và xu hướng phát triển bền vững” do Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), Hội Gỗ mỹ nghệ và Chế biến Gỗ thành phố Hồ Chí Minh (HAWA) công bố ngày 27.3.2018 tại Hà Nội.

đồng/kg, giảm 1.000-2.000 đồng/kg so với cuối tháng 5. Hiện tại với giá lợn hơi đang ở mức cao người chăn nuôi vẫn đang ở mức có lãi. Tuy nhiên, để chủ động tham gia thị trường và giá bán ổn định, các hộ chăn nuôi không nên tăng đàn ồ ạt vào lúc này bởi giá mua lợn giống hiện nay khá cao. Nguồn dự trữ và cung ứng từ các trại nuôi của các doanh nghiệp lớn còn đáng kể nên người chăn nuôi chủ động tham gia vào các hợp tác xã, sản xuất liên kết theo các chuỗi, đảm bảo đầu vào, đầu ra ổn định và có cơ hội tiếp cận được nguồn vốn của ngân hàng.

Các loại thịt khác (thịt bò, gà) không có nhiều biến động. Thịt gà nguồn cung vẫn khá dồi dào so với nhu cầu khiến giá gà thịt công nghiệp lông màu tại trại ở các tỉnh phía Nam giảm. Giá bình quân tại trại của loại gà này ở ĐBSCL và Đông Nam Bộ giảm lần lượt 20,9% và 21,4% so với tháng 5/2018, xuống còn 31.800 đồng/kg và 30.800 đồng/kg. Chăn nuôi gia cầm thuận lợi do dịch bệnh không xảy ra, giá bán dao động ổn định ở mức có lãi cho người chăn nuôi là những yếu tố khiến đàn gia cầm phát triển. Tổng cục Thống kê ước tính tổng đàn gia cầm của cả nước tăng khoảng 6,9% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá các loại thịt bò trong nước không thay đổi nhiều do nguồn cung và nhu cầu ổn định.

8. Cao su

Trong tháng 6/2018, xuất khẩu cao su ước đạt 118 nghìn tấn với giá trị 169 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu cao su đạt 560 nghìn tấn, tương đương giá trị 861 triệu USD, tăng 16,1% về lượng nhưng giảm 7,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc, Ấn Độ, và Malaysia là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt 61,3%, 6,4% và 3,9%. Trong 5 tháng đầu năm 2018, các thị trường nhập khẩu cao su của Việt Nam tăng mạnh là Ấn Độ (tăng 75%) và Indonesia (tăng 13,2%).

Trong tháng 6/2018, nhập khẩu cao su của Việt Nam ước đạt 50 nghìn tấn với giá trị 96 triệu USD, đưa tổng lượng và giá trị cao su nhập khẩu 6 tháng đầu năm đạt 294 nghìn tấn với giá trị 536 triệu USD, tăng 20,2% về khối lượng nhưng giảm 0,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Việt Nam nhập khẩu cao su chủ yếu từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Campuchia, chiếm 51,5% tổng lượng nhập khẩu.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tháng 6/2018 giảm mạnh xuống còn 1.559 USD/ tấn (giảm 7,5% so với tháng trước) trong bối cảnh nhu cầu giảm, dự trữ tại các nước tiêu thụ cao su hàng đầu tăng. Ngoài ra, giá dầu thô Brent giảm 1,4% xuống còn 73,82 USD/thùng so với tháng 5/2018, đồng Yên Nhật Bản mạnh lên so với USD và căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc cũng gây bất lợi cho giá cao su.

Giá cao su xuất khẩu bình quân Việt Nam trong tháng 6/2018 vẫn giữ ổn định ở mức 1,432 USD/tấn. Tuy nhiên, tính bình quân 6 tháng đầu năm 2018 giá cao su xuất khẩu của Việt Nam giảm 21% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao su nguyên liệu trong nước cũng không có biến động so với tháng trước: giá thu mua cao su mủ nước tại Đồng Nai giữ ở mức 13.100 đồng/kg. Giá dầu có thể tiếp tục đi xuống do Iran đồng ý hỗ trợ OPEC tăng nhẹ sản lượng dầu, đồng thời cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung hiện vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt. Những động thái này có thể gây áp lực tới giá cao su trong thời gian tới.

9. Chè

Xuất khẩu chè tháng 6/2018 ước đạt 13 nghìn tấn với giá trị đạt 23 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu chè 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 58 nghìn tấn tương đương 94 triệu USD, giảm 8,7% về lượng và 3,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của chè Việt Nam tiếp tục là Pakistan (với 20,3 triệu USD, chiếm 28,4%), Đài Loan (với 9,6 triệu USD, chiếm 13,5%), Nga (với 9,5 triệu USD, chiếm 13,3%), Trung Quốc (với 5,3 triệu USD, chiếm 7,4%), Indonesia (với 3,9 triệu USD, chiếm 5,4%) và Mỹ (với 3,1 triệu USD, chiếm 4,4%). Thị phần của các thị trường chính này trong tổng giá trị xuất khẩu chè của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2018 đều tăng so với cùng kỳ năm 2017.

Điểm nhấn của xuất khẩu chè là khởi sắc tại một số thị trường trọng điểm, điển hình như Đài Loan tăng mạnh nhất trong 5 tháng đầu năm 2018, tăng 704 tấn (tương đương 12,7%) so với cùng kỳ năm 2017. Theo sau là các thị trường Mỹ tăng 529 tấn (tương đương 23,6%), Malaysia tăng 436 tấn (tương đương 33,9%), và Ả Rập Xêút tăng 271 tấn (tương đương 42,3%) so với 5 tháng đầu năm 2017. Giá chè xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1.631 USD/tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Thị trường chè thế giới đang bão hòa là một trong các nguyên nhân khiến lượng xuất khẩu chè của Việt Nam giảm trong những tháng đầu năm 2018. Mặc dù giảm lượng xuất khẩu, nhưng giá chè xuất khẩu bình quân của Việt Nam những tháng đầu năm 2018 lại có xu hướng tăng ở hầu hết các thị trường. Điều này cho thấy, chè Việt Nam đang dần nâng cao được giá trị trên các thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu chè cần đầu tư sâu hơn nữa vào phát triển chuỗi giá trị ngành hàng chè, đặc biệt là quan tâm sát sao đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chè để có thể thay đổi được hình ảnh chè Việt, cũng như giúp chè Việt khẳng định được vị thế trên trường quốc tế.

Tại thị trường trong nước, giá chè tháng 6 tiếp tục giữ ở mức ổn định 105.000 đồng/kg đối với chè xanh búp khô, 200.000 đồng/kg chè cành chất lượng cao tại thị trường Thái Nguyên, và 9.000 đồng/kg đối với chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1, 6.000 đồng/kg đối với chè nguyên liệu sản xuất chè đen tại thị trường Lâm Đồng. Giá chè trong nước liên tục giữ ở mức ổn định trong những tháng đầu năm 2018, và hiện chưa có dấu hiệu nào cho thấy giá chè sẽ có biến động mạnh trong tháng 7 và các tháng cuối năm 2018.

10. Tiêu

Xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 6/2018 ước đạt 22 nghìn tấn, với giá trị đạt 71 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu hạt tiêu 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 132 nghìn tấn và 453 triệu USD, tăng 5,1% về lượng nhưng giảm 36,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của hạt tiêu Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2018 gồm Mỹ⁴ (với 71,5 triệu USD, chiếm 18,7%), Ấn Độ (với 36,7 triệu USD, chiếm 9,6%), Pakistan (với 20,7 triệu USD, chiếm 5,4%), Đức (với 16,3 triệu USD, chiếm 4,3%), và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (với 15,6 triệu USD, chiếm 4,1%). Trong đó, lượng xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ và Pakistan tăng mạnh so với 5 tháng đầu năm 2017, lần lượt là 5,46 nghìn tấn (tương đương 102%) và 1,43 nghìn tấn (tương đương 30%).

Giá xuất khẩu bình quân sang tất cả các thị trường đều giảm mạnh. Giá xuất khẩu hạt tiêu bình quân 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3.438 USD/tấn, giảm tới 61% so với cùng kỳ năm 2017. Giá hạt tiêu toàn cầu giảm là do nguồn cung hạt tiêu toàn cầu vẫn còn dồi dào. Cụ thể là, lượng tồn kho tại Brazil và Việt Nam vẫn còn nhiều từ vụ thu hoạch trước, trong khi đó sức ép từ vụ hạt tiêu mới của Indonesia và Malaysia khá lớn khi 2 nước này sẽ bắt đầu thu hoạch mới trong tháng 7-8/2018.

Tại thị trường trong nước, giá hạt tiêu cũng giảm cùng chiều với xu hướng giá xuất khẩu. Tính đến ngày 23/6/2018, giá hạt tiêu giao dịch ở mức 53.000-56.000 đồng/kg, giảm khoảng 3.000 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước, giảm 2.000 đồng/kg so với đầu tháng. Giá hạt tiêu giảm nhẹ liên tiếp kể từ đầu tháng tới nay chủ yếu là phía các thương nhân xuất khẩu chưa đặt hàng cung ứng mới cho các hợp đồng tháng 8/2018, trong khi các hợp đồng tháng 7/2018 gần như đã hoàn tất. Thêm vào đó, một

⁴ Qua theo dõi, sản phẩm tiêu của Việt Nam chiếm lĩnh thị trường Mỹ (chiếm 53,6% thị phần nhập khẩu tiêu của Mỹ) trong bối cảnh nhập khẩu tiêu của nước này giảm 4% so với cùng kỳ năm 2017 và thị phần của các đối thủ cạnh tranh chính như Indonesia, Ấn Độ và Sri Lanka đều giảm.

số kho hạt tiêu có hiện tượng xả hàng đầu cơ do sức tăng không như kỳ vọng, trong khi lãi suất vốn vay bắt đầu trở thành gánh nặng nên cần thu hồi, chuyển đổi đầu tư. Với tình hình thị trường như trên, giá hạt tiêu được dự báo vẫn khó phục hồi trong tháng 7/2018 và các tháng cuối năm 2018.

Nhiều hộ trồng tiêu đã cắt giảm diện tích và chuyển sang trồng loại cây khác do giá giảm liên tục và nhiều vùng dịch bệnh trên cây tiêu đang hoành hành. Cần tuyên truyền, vận động các hộ nông dân, đơn vị trồng tiêu nên tổ chức sản xuất tiêu theo các tổ, nhóm, hợp tác xã, và có liên kết với doanh nghiệp để được hỗ trợ tập huấn kỹ thuật trồng tiêu đúng quy trình, và đảm bảo bao tiêu sản phẩm đầu ra. Đặc biệt, cần quản lý chặt quy hoạch, có biện pháp ngăn chặn việc nông dân trồng tiêu một cách tự phát và ồ ạt như các năm vừa qua. Bên cạnh đó, các địa phương cũng cần tăng cường quảng bá, xây dựng thương hiệu tiêu cho từng vùng, từng địa phương, nhằm góp phần phát triển bền vững cây tiêu

11. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 6/2018 ước đạt 200 nghìn tấn với giá trị 92 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt 1,5 triệu tấn và 560 triệu USD, giảm 24,6% về lượng nhưng tăng 12,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong 5 tháng đầu năm, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính, chiếm tới 87,2% thị phần, giảm 25,2% về khối lượng nhưng tăng 9,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu sản lát của Việt Nam (FOB) trong tháng 6/2018 giảm còn 242 USD/tấn, giá tinh bột sản xuất khẩu được chào giá ở mức 520 USD/kg, tương đương với giá tinh bột sản của Thái Lan sau khi nước này hạ giá chào bán 20 USD trong tháng 6.

Giá sản lát xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tiếp tục giảm do nhu cầu từ thị trường này tiếp tục ở mức thấp do tháng 6 là mùa nắng nóng cao điểm, nhu cầu tiêu thụ còn ở mức thấp. Các nhà máy còn tại Trung Quốc cũng tính đến sử dụng các loại nguyên liệu thay thế như ngô, lúa miến có giá thành thấp hơn. Giá sản thu mua tại các nhà máy tinh bột tại Tây Ninh cũng giảm 300 đồng/kg và dao động quanh mức 3.100 – 3.200 đồng/kg. Các nhà máy tại khu vực Tây Nguyên đã dừng hoạt động do niên vụ sản đã kết thúc. Nguồn cung sản từ Campuchia đã gần hết và chất lượng sản bị ảnh hưởng bởi virus bệnh khảm lá. Thái Lan cũng đang xem xét việc cấm nhập khẩu sản từ Campuchia trong thời gian tới do lo ngại lây lan virus

khảm lá. Hiện nay, đòi hỏi các địa phương phải quyết liệt hơn trong việc tiêu hủy nguồn bệnh và phun thuốc đồng loạt trước khi vụ 2018-2019 bắt đầu sản xuất.

Sang tháng 7/2018, thị trường sản lát dự báo sẽ sôi động trở lại khi các nhà máy còn và hóa chất tại Trung Quốc tăng công suất hoạt động trở lại. Tuy nhiên, Trung Quốc hiện nay còn một lượng ngô tồn kho lớn do ngành chăn nuôi gặp khó khăn, lượng ngô tồn kho này đang được Trung Quốc nỗ lực giảm bớt thông qua sử dụng cho ngành sản xuất ethanol; do đó, dự kiến giá sản lát xuất khẩu sang Trung Quốc khó tăng giá trong nửa cuối năm 2018.

NHẬN XÉT CHUNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

Về tình hình chung, số liệu tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2018 của các mặt hàng nông sản chủ lực khá tốt. Một số mặt hàng như rau quả, thủy sản vẫn tiếp tục đà tăng trưởng tích cực của năm 2017. Một số mặt hàng đang có những dấu hiệu phát triển khởi sắc như gỗ, chè hướng đến chất lượng cao hơn và nâng cao vị thế trên thị trường thế giới. Bên cạnh đó giá trị đồng Đô la Mỹ đang có xu hướng tăng lên, tạo cơ hội tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường xuất khẩu. Tuy nhiên, chủ nghĩa bảo hộ thương mại tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc đang trở lại và gây ra bất ổn thị trường. Thêm vào đó, giá trị xuất khẩu cao trong những tháng cuối năm 2017 cũng đặt ra những thách thức cho thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nông sản từ nay đến cuối năm 2018.

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Lúa gạo:** Khả năng giá lúa gạo trong nước từ nay đến cuối năm khó giữ ở mức cao như giai đoạn đầu năm do tình hình sản xuất lúa gạo thế giới tăng trưởng khá dẫn tới nhu cầu nhập khẩu của nhiều nước có xu hướng giảm. Do đó các doanh nghiệp cần tích cực đẩy mạnh xúc tiến mở rộng thị trường xuất khẩu để đảm bảo ổn định giá trong vụ Hè Thu sắp tới. Đồng thời, tiếp tục nâng tầm chất lượng gạo hướng tới các phân khúc thị trường có giá trị cao.
- **Cà phê:** Hiện nay, lượng dư cung cà phê của thế giới còn cao và nguồn cung thế giới cũng đang tăng trở lại. Do đó, doanh nghiệp và người sản xuất trong nước cần thận trọng trong việc dự trữ, tránh tình trạng giảm giá trở lại khi vào vụ thu hoạch của Việt Nam trong Quý IV/2018.
- **Rau quả:** Mặc dù xuất mặt hàng rau quả trong 6 tháng đầu năm có vẻ chững lại hơn so với năm ngoài, nhưng nguồn cung trong nước có những kết quả phát triển khá tốt. Công tác xúc tiến thương mại và phát triển thị

trường đã mang lại những kết quả tích cực, giữ được mục tiêu “được mùa, được giá”. Tuy nhiên, trong thời gian tới, ngành rau và trái cây cần tiếp tục rà soát quy hoạch để ổn định nguồn cung, tăng cường chuỗi liên kết, thu hút sự tham gia tích cực hơn của doanh nghiệp. Bên cạnh đó cần tiếp tục nghiên cứu, đẩy nhanh ứng dụng công nghệ cao vào khâu bảo quản, chế biến, công tác khuyến nông tập trung nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm để tiếp cận các thị trường khó tính nhưng có giá trị cao như Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

- **Điều:** Dự báo giá xuất khẩu điều nhân của Việt Nam có khả năng sẽ phục hồi trở lại trong thời gian tới do nhu cầu cuối năm tăng tại các thị trường quan trọng và nguồn cung hạn hẹp. Đồng thời, giá nhập điều nguyên liệu đang có xu hướng tăng, các doanh nghiệp chế biến điều cần chủ động chuẩn bị nguồn nguyên liệu. Các doanh nghiệp chế biến điều nhân cần tăng cường liên kết với nông dân xây dựng vùng nguyên liệu có năng suất, chất lượng cao, tập chung vào chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm.
- **Thủy sản:** Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc có tỷ trọng cao và có xu hướng tăng trong thời gian qua. Đặc biệt, từ ngày 1/7/2018 Trung Quốc sẽ chính thức giảm thuế nhập khẩu từ 2-10% cho 221 sản phẩm thủy sản từ các quốc gia thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO. Đây là cơ hội tốt để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường này. Tuy nhiên, ngành thủy sản cần lưu ý vẫn phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng ở mức cao để không bị ảnh hưởng đến các thị trường truyền thống khác như Mỹ, EU.
- **Gỗ và các sản phẩm từ gỗ:** Trung Quốc là thị trường có nhu cầu lớn về gỗ, tuy nhiên nguồn cung gỗ đang bị thiếu hụt, đặc biệt là gỗ chứng nhận. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp cũng đang chuyển sang thị trường nội địa, do nhu cầu về gỗ chất lượng cao trong nước đang tăng cùng với sự phát triển mạnh của các đô thị. Do đó trong tương lai cần định hướng phát triển mạnh gỗ có chứng nhận. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng cần tiếp tục duy trì và đa dạng hóa nguồn gỗ nhập khẩu, tiếp cận nguồn nguyên liệu từ các thị trường ít rủi ro và có những bước chuẩn bị để thích ứng với những thay đổi trong xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- **Chăn nuôi:** Nguồn cung các mặt hàng thịt tại các thị trường thế giới như Mỹ, EU, Australia đang tăng. Đồng thời, xu hướng bảo hộ thương mại trên thị trường quốc tế đang là một rào cản lớn cho xuất khẩu thịt. Trong nước, mặc dù giá thịt lợn đang ở mức có lãi cho người chăn nuôi, nhưng cần chủ

động kiểm soát quy mô đàn tránh tình trạng dư cung trong thời gian tới. Nguồn cung mặt hàng gia cầm (gà) có xu hướng tăng trưởng tốt, có thể hướng đến xuất khẩu để gia tăng lợi nhuận cho người chăn nuôi. Tuy nhiên, cần tăng cường phòng ngừa nguy cơ bùng phát dịch bệnh ở đàn gia cầm.

- **Caos:** Thời gian qua nhiều công ty đã chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao để giảm giá thành, giúp khả năng cạnh tranh của ngành cao su được nâng cao đáng kể. Tuy nhiên để đảm bảo nguồn cung trong nước ổn định, các doanh nghiệp cao su cũng cần lưu tâm đến khâu sản xuất, đặc biệt là công tác phòng chống cháy chữa cháy trong mùa khô, khắc phục các thiệt hại thiên tai gây gãy đổ cây cao su và có biện pháp phòng trị bệnh vườn cây hiệu quả để nâng cao giá trị sản phẩm.
- **Chè:** Sản phẩm chè của Việt Nam đang dần khẳng định được vị trí của mình trên thị trường quốc tế với chất lượng và giá bán cao hơn trước. Các doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu để tiếp cận với các thị trường có giá trị cao hơn.
- **Hạt tiêu:** Lượng tồn kho hạt tiêu của các nước còn nhiều, nguồn cung thế giới cũng đang tăng do sắp đến mùa thu hoạch. Với mức giá hiện nay thì người nông dân vẫn có lãi. Tuy nhiên người dân và các doanh nghiệp ngành tiêu cần tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường liên kết sản xuất để ổn định nguồn cung và đảm bảo đầu ra.
- **Sắn:** Trong thời gian tới, thị trường sắn lát dự báo sẽ sôi động trở lại khi các nhà máy cồn và hóa chất tại Trung Quốc tăng công suất hoạt động trở lại. Tuy nhiên, giá sắn lát xuất khẩu sang Trung Quốc khó tăng cao vì nước này hiện còn một lượng ngô tồn kho lớn (do ngành chăn nuôi gặp khó khăn), nên có thể được sử dụng thay thế cho sắn trong sản xuất ethanol. Người sản xuất ở Việt Nam cần lưu ý triển khai các biện pháp để duy trì năng suất và sản lượng hợp lý để nắm bắt tốt nhu cầu từ các thị trường trong và ngoài nước.